TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 85/2026/QĐST – HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2026/TLST - HNGĐ, ngày 27/02/2026, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung". Giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: 285 ấp P, xã P1, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: 285 ấp P, xã P1, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoàn giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: 285 ấp P, xã P1, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Trần Văn Q, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: 285 ấp P, xã P1, tỉnh Vĩnh Long.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: 02 con chung là Trần Bảo H, sinh ngày 03/9/2010 và Trần Thiên P, sinh ngày 10/10/2015. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp nuôi con là Trần Bảo H và ghi nhận chị Nguyễn Thị Hằng N không yêu cầu anh Trần Văn Q cấp dưỡng nuôi con; đối với con là Trần Thiên P, anh Trần Văn Q trực tiếp nuôi con và ghi nhận anh Trần Văn Q không yêu cầu chị Nguyễn Thị Hằng N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Trần Văn Q cùng trình bày không yêu cầu, không giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Trần Văn Q cùng trình bày không có, không giải quyết.

- Về án phí thuận tình ly hôn: 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Hằng N tự nguyện chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00003313, ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hằng N số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời gian thi hành án được được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long*;
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *THADS tỉnh Vĩnh Long*;
- *Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ.*

Thẩm phán

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng